

# TENSES REVISION

(Past Simple vs. Present Perfect)

## I. Tóm tắt kiến thức:

	<b>Past Simple (Quá khứ đơn)</b>	<b>Present Perfect (Hiện tại hoàn thành)</b>
<b>Cách dùng</b>	Một sự việc đã xảy ra và kết thúc ở <b>một thời điểm xác định</b> trong quá khứ.	Hành động/ sự việc xảy ra trong quá khứ ( <b>không xác định được thời gian xảy ra</b> ) nhưng kéo dài đến hiện tại hoặc có ý nghĩa trong ngữ cảnh hiện tại.
<b>Công thức</b>	<b>(+) Thể khẳng định:</b> – Động từ thường: S + V2/ V_ed – Động từ tobe: S + was/ were <b>(-) Thể phủ định:</b> – Động từ thường: S + did (not) + V_inf – Động từ tobe: S + was not/ were not <b>(?) Thể nghi vấn:</b> – Câu hỏi Yes/ No: Did + S + V_inf? + Động từ thường: Was/ were + S + ...? – Câu hỏi Wh- + Động từ thường: Wh + did + S + V_inf + Động từ tobe: Wh + was/ were + S + ...?	<b>(+) Thể khẳng định:</b> S + have/ has + V_ed/ V3 <b>(-) Thể phủ định:</b> S + have/ has + not + V_ed/ V3 <b>(?) Thể nghi vấn:</b> – Câu hỏi Yes/ No: Have/ has + S + V_ed/ V3? – Câu hỏi Wh-: Wh- + have/ has + S + V_ed/ V3?
<b>Dấu hiệu nhận biết</b>	+ Thường được dùng với các trạng từ chỉ thời gian trong quá khứ như: Yesterday, this morning/ afternoon/ evening, last night/ week/ month/ year, ago, in + năm trong quá khứ, when + sự việc trong quá khứ, ... + Khi trong câu có “for + khoảng thời gian trong quá khứ”. + Thói quen ở quá khứ và không còn ở hiện tại: Used to + V_inf.	Since + mốc thời gian, for + khoảng thời gian, until now/ up to now/ so far, over the past/ the last + số + years, recently/ in recent years/ lately, never, ever, just, already, yet, before, ...

## II. Bài tập vận dụng:

### Exercise 1: Choose the correct answer

- I ..... to her before.  
 A. talked  
 B. have talked  
 C. was talking
- He ..... a fundraising event last month.

- A. organized
- B. had organized
- C. was organizing
- 3. He ..... any competitions yet.
  - A. wasn't winning
  - B. didn't win
  - C. hasn't won
- 4. They ..... their room before dinner.
  - A. cleaned
  - B. had cleaned
  - C. was cleaning
- 5. He ..... to school last week. He was ill.
  - A. hasn't gone
  - B. went
  - C. didn't go
- 6. He ..... sushi many times since then.
  - A. eats
  - B. has eaten
  - C. ate
- 7. I didn't ..... breakfast yesterday.
  - A. have
  - B. had
  - C. has
- 8. Ben has just ..... a vase.
  - A. break
  - B. broke
  - C. broken
- 9. Helen has already ..... lunch.
  - A. have
  - B. has
  - C. had
- 10. The police ..... the office 3 hours ago.
  - A. left
  - B. had left
  - C. was leaving

**Exercise 2: Fill in the correct form of the verb in the sentence**

- 1. We (not meet) ..... Tommy last night.
- 2. I (visit) ..... an art gallery recently.
- 3. Dean (not/ sleep) ..... yet. He's still playing games.
- 4. After he (arrive) ..... home, he (eat) ..... dinner and (do) ..... homework.
- 5. I (know) ..... Mark for 10 years, but then he went abroad and we lost touch.
- 6. How long (you/ know) ..... Johnny? I know you see him often.
- 7. He (work) ..... as a strategic advisor at this company for a year.
- 8. She (travel) ..... to many countries.

9. Jenny (arrive) ..... ! Come and say hello!

10. This is the first time I (set up) ..... a tent.

**Exercise 3: Rewrite the sentence with the same meaning**

1. The last time I watched "The Twilight Saga" series was 5 years ago.

=> I haven't .....

2. When did our teacher task us with a market research project?

=> How long .....

3. I last met him 3 days ago.

=> The last time .....

4. She started working as a recruiter 3 months ago.

=> She has .....

5. He began playing ice hockey when he was 6 years old.

=> He has .....

6. It is 2 years since the last time I went to Ha Nam.

=> I last .....

7. This is the first time I have seen such a professional gamer.

=> I have .....

8. I haven't been to Kanagawa for 5 years.

=> The last time .....

9. I have never eaten such delicious ramen like this before.

=> This is the first time .....

10. I have learnt German for 10 years.

=> I began .....

**❧ THE END ❧**